

Hànyǔ Cú kòngthóng cệngchǎfǎ

Şùchǎ

Tǎsùan chānkhǎu Jīngwén síkùan.

- Chóng 11 khāishǐ tài 99, zệngzán líensǐ, pú khòngkệ. 
- "Pǎi", "chīen", "wàn"... tệng şcìnwèi tǎnwèi cūn túlì fệnsǐ chī wàn pā chīen wǔ pǎi sǎşş cǐou

 - Zùo líensǐ? cf. chīwàn pāchīen wǔpǎi sǎşş cǐou

Sǔşù

Yòng hyphen. Tì-jī, tì-chīşǐpā

From:

<http://ciangbrides.myds.me/dw/!abcdori.ga/> - **Abecedarium Orientale**

Permanent link:

<http://ciangbrides.myds.me/dw/!abcdori.ga/zhx/orthography?rev=1519149481>



Last update: **2018/02/21 01:58**